

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG THỊ NẠI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần cảng Thị Nại (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Đồng Thị Ánh	Chủ tịch
Bà Lâm Ánh Vy	Thành viên
Bà Đồng Thị Quỳnh Hương	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vương	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2018)
Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Yên	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Đồng Thị Ánh	Giám đốc
Ông Hồ Liên Nam	Phó Giám đốc
Ông Lâm Đình An	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Thi	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Bình	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đồng Thị Ánh**  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần cảng Thị Nại**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần cảng Thị Nại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2019, từ trang 3 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 17 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Lê Đình Tứ**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0488-2018-001-1  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH  
DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Đào Thái Thịnh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1867-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.171.569.444</b>	<b>10.522.085.576</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>553.447.580</b>	<b>895.445.103</b>
1. Tiền	111	5	553.447.580	895.445.103
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.510.212.252</b>	<b>9.408.670.149</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.390.240.922	4.645.471.336
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	888.063.900	6.480.870.584
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		216.308.306	52.786.692
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.984.400.876)	(1.770.458.463)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>107.909.612</b>	<b>217.970.324</b>
1. Hàng tồn kho	141		107.909.612	217.970.324
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.914.618.402</b>	<b>106.214.275.028</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.125.206.450</b>	<b>87.891.431.941</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	73.816.851.478	73.583.076.969
- Nguyên giá	222		112.672.905.905	106.839.433.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.856.054.427)	(33.256.356.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	14.308.354.972	14.308.354.972
- Nguyên giá	228		14.308.354.972	14.308.354.972
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	253	12	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>115.291.818</b>	<b>1.593.753.658</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	115.291.818	1.593.753.658
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.674.120.134</b>	<b>13.729.089.429</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.674.120.134	13.729.089.429
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>107.086.187.846</b>	<b>116.736.360.604</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.792.248.467</b>	<b>36.438.403.909</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.472.248.467</b>	<b>20.046.403.909</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	502.591.390	1.727.490.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		308.718.510	99.338.059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.744.158.540	2.584.570.345
4. Phải trả người lao động	314		1.044.948.473	844.217.301
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		168.397.053	165.401.230
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.862.000	232.260.595
7. Vay ngắn hạn	320	17	8.634.445.270	14.294.929.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		64.127.231	98.196.300
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.320.000.000</b>	<b>16.392.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Vay dài hạn	338	19	10.320.000.000	14.392.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.293.939.379</b>	<b>80.297.956.695</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>81.293.939.379</b>	<b>80.297.956.695</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.000.000.000	71.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		40.909.091	40.909.091
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.379.585.673	2.341.649.891
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.873.444.615	5.915.397.713
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		6.873.444.615	5.915.397.713
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>107.086.187.846</b>	<b>116.736.360.604</b>

  
Lê Tuyết Vy  
Người lập biểu

  
Đồng Thị Quỳnh Hương  
Kế toán trưởng

  
Đồng Thị Ánh  
Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch</b>	<b>01</b>		<b>50.186.930.089</b>	<b>44.313.947.561</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		143.092.145	149.851.507
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>50.043.837.944</b>	<b>44.164.096.054</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	32.612.476.800	28.190.514.516
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>17.431.361.144</b>	<b>15.973.581.538</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		450.969.472	274.221.441
7. Chi phí tài chính	22		1.784.774.141	1.418.811.878
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.784.774.141	1.418.811.878
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.967.397.271	7.692.185.264
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>9.130.159.204</b>	<b>7.136.805.837</b>
10. Thu nhập khác	31		-	480.268.770
11. Chi phí khác	32		550.778.671	72.499.603
<b>12. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(550.778.671)</b>	<b>407.769.167</b>
<b>13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.579.380.533</b>	<b>7.544.575.004</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.705.935.918	1.629.177.291
<b>15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>6.873.444.615</b>	<b>5.915.397.713</b>
<b>16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>920</b>	<b>775</b>

*[Handwritten signature]*

Lê Tuyệt Vy  
Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

Đông Thị Quỳnh Hương  
Kế toán trưởng



*[Handwritten signature]*  
Đông Thị Anh  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>8.579.380.533</b>	<b>7.544.575.004</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.626.977.524	5.376.460.825
Các khoản dự phòng	03	213.942.413	928.856.329
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(114.519.177)	(728.766.896)
Chi phí lãi vay	06	1.784.774.141	1.418.811.878
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.090.555.434</b>	<b>14.539.937.140</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	5.684.515.484	(7.086.384.239)
Thay đổi hàng tồn kho	10	110.060.712	8.376.202
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.045.602.410	517.853.428
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	2.054.969.295	2.259.684.736
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.755.548.102)	(1.388.046.620)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.117.177.291)	(1.312.035.981)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(186.417.700)	(804.058.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.926.560.242</b>	<b>6.735.326.586</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(4.763.853.788)	(24.570.794.691)
2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22	-	454.545.455
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	450.969.472	274.221.441
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.312.884.316)</b>	<b>(23.342.027.795)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.280.000.000	28.477.929.959
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(21.555.673.449)	(3.541.000.000)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.680.000.000)	(7.810.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.955.673.449)</b>	<b>17.126.929.959</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(341.997.523)</b>	<b>520.228.750</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>895.445.103</b>	<b>375.216.353</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>553.447.580</b>	<b>895.445.103</b>



Lê Tuyết Vy  
Người lập biểu

  
Đông Thị Quỳnh Hương  
Kế toán trưởng



  
Đông Thị Ánh  
Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần cảng Thị Nại (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4100259282 ngày 01 tháng 01 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 3 lần và lần điều chỉnh gần nhất ngày 09 tháng 07 năm 2015).

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 843/QĐ-SGDHN ngày 15 tháng 12 năm 2016 với mã chứng khoán là TNP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 205 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 203 người).

#### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ giao nhận, cung cấp điện, nước, cần ô tô điện tử, môi giới, dịch vụ vận tải tài biển, ô tô; dịch vụ kỹ thuật kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác: dịch vụ sửa chữa ô tô;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: lai dắt tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: mua bán nông sản;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê thiết bị cầu – nâng hàng;
- Dịch vụ thương mại: mua bán khoáng sản.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán, được trình bày lại và phân loại lại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **3. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC**

Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi cơ sở lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Theo đó, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại nhằm mục đích so sánh với số liệu của năm nay.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8

